

VĂN HÓA NÔNG THÔN TÂY NAM BỘ TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI**RURAL CULTURE OF MEKONG DELTA
IN THE CONTEMPORARY SOCIETY***Nguyễn Thị Diễm Phương***Nguyễn Hữu Nghị*****DẪN NHẬP**

Việt Nam là nước nông nghiệp với khoảng 70% dân cư sinh sống ở nông thôn¹, diện tích đất nông nghiệp chiếm đến 82,43% tổng diện tích tự nhiên² với hơn 40% lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì thế, nông thôn Việt Nam là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam không thể không chú ý đến nghiên cứu văn hóa nông thôn Việt Nam. Đồng bằng sông Cửu Long hay còn gọi là vùng Tây Nam Bộ tuy là vùng đất trẻ với lịch sử chỉ hơn 300 năm nhưng chứa đựng bao điều thú vị để khám phá. Nông thôn Tây Nam Bộ mang những nét văn hóa đặc sắc của một vùng đất sông nước, con người Nam Bộ bình dị, chất phác, trọng nghĩa tình. Nơi đây với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hệ thống làng nghề đa dạng, văn hóa ẩm thực độc đáo tạo nên một bức tranh nông thôn hấp dẫn và nhiều sắc màu văn hóa. Hiện nay, khi bước vào giai đoạn hiện đại hóa, công nghiệp hóa, bức tranh nông thôn Việt Nam nói chung, Tây Nam Bộ nói riêng ít nhiều thay đổi. Trong bài viết này chúng tôi giới thiệu khái quát văn hóa nông thôn Tây Nam Bộ truyền thống và những biến đổi của nó trong xã hội hiện nay.

1. Văn hóa nông thôn Tây Nam Bộ

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên 4,8 triệu ha trong đó đất nông nghiệp 3,4 triệu ha chiếm đến 84%³ diện tích toàn vùng cộng thêm điều kiện thiên nhiên ưu đãi cho nên đây là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất nước, cung cấp đến 90% sản lượng gạo xuất khẩu, 70% sản lượng trái cây, 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam⁴. Như vậy có thể thấy phần đô thị ở Tây Nam Bộ chỉ chiếm khoảng một phần năm diện tích toàn vùng Tây Nam Bộ. Ngay cả khi so sánh những đặc trưng tương quan giữa vùng văn hóa Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ có nhà nghiên cứu cũng cho rằng “vùng văn hóa Tây Nam Bộ mang đậm nét không gian văn hóa nông thôn” (Trần Ngọc Thêm (2014): 99).

* ThS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

** ThS, Trường Đại học Lạc Hồng.

¹ Số liệu của Tổng cục Dân số Kế hoạch hóa Gia đình năm 2015.² Số liệu của Công thông tin điện tử Việt Nam năm 2015, dẫn theo <https://baovemoitruong.com/tai-nguyen-thien-nhien/ket-qua-thong-ke-dien-tich-dat-dai-nam-2015-cua-viet-nam.html>.³ TTXVN (2017). Quy hoạch sử dụng đất gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững.<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=47683&print=true>.⁴ Sản xuất lúa gạo Việt Nam đang đứng trước giờ G của công cuộc đổi mớihttp://daibieunhandan.vn/ONA_BDT/NewsPrint.aspx?newsId=387254.

Môi trường tự nhiên là một trong những điều kiện hình thành nên bản sắc văn hóa bởi con người luôn sáng tạo và có những cách thích ứng cho phù hợp với điều kiện đặc thù của môi trường tự nhiên. Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống kênh rạch chằng chịt với “khoảng 2500 km sông rạch tự nhiên và 2500km sông rạch đào” (Đình Thị Dung (2018): 23), vì thế sông nước chi phối rất nhiều đến sinh hoạt, đời sống vật chất cũng như tinh thần của người Tây Nam Bộ tạo nên đặc trưng văn hóa sông nước của vùng. Cư dân Đồng bằng sông Cửu Long “hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước, tạo thành một phần không thể thiếu của hệ tính cách văn hóa Tây Nam Bộ” (Trần Ngọc Thêm (2013): 226) và những hoạt động của họ đã “góp phần hình thành một không gian văn hóa cùng nhiều giá trị có dấu ấn sông nước điển hình” (Đình Thị Dung (2018): 23).

Trước hết, **trong đi lại**, có thể thấy giao thông đường thủy ở đây rất phát triển, có rất nhiều loại ghe xuồng từ xuồng ba lá chèo tay đến xuồng máy, vỏ lãi, tắc ráng, ca nô, ghe bầu, tàu “cao tốc”, v.v. Cư dân đi lại chủ yếu bằng các phương tiện đường thủy, về vùng sông nước Tây Nam Bộ thì hầu như nhà nào cũng có một chiếc xuồng⁵. Trong đi lại, người dân cũng thích ứng theo con nước “Người dân sẽ đi lại, vận chuyển hàng hóa theo con nước, chẳng hạn khi đi nước lớn khi về nước ròng thì cả hai lượt đều đi nước xuôi...” (dẫn theo Đình Thị Dung (2018): 24).

Trong **văn hóa mưu sinh**, do khu vực Đồng bằng sông Cửu Long còn có bờ biển dài nên đời sống của người dân chịu ảnh hưởng khá lớn của hai chế độ thủy triều: nhật triều và bán nhật triều. Với sự linh hoạt và sáng tạo, cư dân Tây Nam Bộ thích ứng phối hợp theo quy luật của sông nước. Ở vùng sông nước Cà Mau, Kiên Giang nhiều hộ sống bằng những vuông tôm - một hình thức sinh kế khá đặc trưng của vùng nước ngập mặn vùng Tây Nam Bộ. Tận dụng chế độ thủy triều, nước được dẫn vào vuông và thoát ra qua hệ thống cống dẫn mang theo nguồn lợi phiêu sinh vật làm nguồn thức ăn nuôi lớn tôm cá tự nhiên trong vuông mỗi ngày. Chính từ cách nuôi tôm cá dựa theo nhịp điệu con nước và không có sự can thiệp của công nghệ nuôi trồng thủy sản cũng như thức ăn công nghiệp nên tôm cá ở đây hoàn toàn được sinh trưởng tự nhiên đảm bảo nguồn lợi thủy sản sạch và thân thiện với môi trường.

Đề thuận lợi trong giao thương, trao đổi hàng hóa ở vùng sông nước có nhiều kênh rạch mà Tây Nam Bộ có loại hình chợ nổi rất độc đáo như chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang), Phụng Hiệp (Hậu Giang), chợ nổi Long Xuyên (An Giang),... Cách thức tổ chức họp chợ trên sông này là nét văn hóa kinh doanh đặc sắc ở Tây Nam Bộ không chỉ giúp ích cho việc buôn bán của người dân địa phương mà còn là nét văn hóa riêng thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan.

Tây Nam Bộ là vùng đồng bằng thấp, có nơi là vùng trũng tạo nên sinh cảnh “vùng nước nổi” rất đặc trưng chẳng hạn như vùng Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên. Riêng Đồng Tháp Mười (tại các tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang) cũng đã tạo nên hệ sinh

⁵ Trong chuyến đi khảo sát thực tế ở huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (năm 2014) chúng tôi nhận thấy nhiều gia đình mỗi hộ **có ít nhất** một chiếc xuồng, có những hộ khá giả mỗi hộ có đến 3, 4 chiếc xuồng máy.

thái động thực vật hết sức đa dạng gồm hệ sinh thái đồng cỏ ngập nước theo mùa, hệ sinh thái đầm lầy, hệ sinh thái rừng tràm, hệ sinh thái lúa mùa và lúa nổi, ... Bên cạnh đó, với vị trí địa lý đặc thù, hằng năm vào khoảng tháng 7 đến tháng 10 âm lịch, lũ từ sông Mekong kéo về miền Tây Nam Bộ và mang theo nguồn lợi thủy sản vô cùng phong phú cho toàn vùng mà người ta quen gọi là mùa nước nổi. Mùa nước nổi luôn được cư dân nơi đây chờ đón không chỉ có nguồn lợi thủy sản mà còn làm giàu thêm lượng phù sa cho vùng đất đồng. Bên cạnh đó, đây là mùa mà người dân đồng bằng thay đổi hình thức sinh kế từ trồng lúa sang khai thác thủy sản và chính vì thế đời sống sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần cũng thay đổi tạo nên “văn hóa mùa nước nổi” rất riêng chỉ có ở vùng Tây Nam Bộ.

Đối với **văn hóa ẩm thực**, sông nước mang đến nguồn thủy sản dồi dào. Ở Tây Nam Bộ có nhiều món ăn được làm từ cá và rất nhiều đặc sản có nguồn gốc sông nước, ruộng đồng khác như ếch, rùa, rắn, lươn, các loại rau trong thiên nhiên (bông súng, rau đắng, bông điên điển, đọt choại),... được chế biến nhiều cách khác nhau và có nhiều loại khô, mắm phong phú hơn hẳn những vùng khác. Thủy sản là nguồn thức ăn chính của người dân, cơ cấu bữa ăn từ “com-rau-cá-thịt” đến vùng này được điều chỉnh thành “com-canh-rau-tôm cá” (Lý Tùng Hiếu (2019): 294).

Trong **văn hóa cư trú**, ở Tây Nam Bộ người Kinh thường tổ chức nhà ở trong các ngôi làng theo dạng hình tuyến dọc theo sông rạch và kênh đào, nhà mở cửa nhìn ra sông, lấy sông làm mặt tiền vì vậy các thôn ấp trải dài theo kênh rạch. “Để thích ứng với vùng môi sinh ngập nước định kỳ hay ngập nước quanh năm” (Phan Thị Yến Tuyết (1993): 34) người nông thôn Tây Nam Bộ sống trong những ngôi nhà sàn có chỗ neo đậu xuồng ghe hoặc mỗi nhà thường làm cầu thang đưa ra sông để ghe xuồng dễ cập bến vào nhà. Bên cạnh đó còn có loại “nhà nửa sàn nửa đất” phổ biến ở vùng cư trú ven sông, rạch, kênh, ... Nhà trên là nhà đất, còn nhà dưới và chái bếp là nhà sàn, cột sàn cắm thẳng xuống sông rạch, có sàn nước ở sau nhà dùng làm nơi giặt giũ neo ghe thuyền, buôn bán theo đường thủy. “Thực tế cuộc sống khiến người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long nhận thức rằng cất nhà xoay mặt tiền ra đường lộ hoặc sông, rạch là hướng lý tưởng nhất, thuận tiện cho việc lưu thông buôn bán chứ không còn chỉ ưu tiên cho hướng Nam hoặc Đông Nam, v.v.” (Phan Thị Yến Tuyết (1993): 46).

Ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng có những “ngôi nhà” là những chiếc ghe rày đây mai đó quanh năm trôi dạt trên sông nước để buôn bán mưu sinh của “đời thương hồ”. Ngoài những hình thức cư trú thích ứng theo sông nước như trên ra thì còn có hình thức nhà nổi nuôi cá bè tạo thành những làng bè cố định trên sông. Vật liệu làm nhà cũng là “loại vật liệu sông nước điển hình nhất là lá dừa nước dùng để lợp mái nhà, làm vách nhà; cây tràm làm cột, làm cừ, càng ngâm nước càng bền. Kiểu nhà được lợp, dựng bằng lá dừa nước là kiểu nhà đặc trưng phổ biến của riêng Tây Nam Bộ, không có ở bất kỳ vùng nào khác” (Trần Ngọc Thêm (2014): 653). Trong lễ nghi khi làm nhà cũng thể hiện tính sông nước khi mà vào lễ thượng lương (lễ lên đòn dông) – nghi thức quan trọng nhất khi làm nhà “người ta chọn lúc thủy triều ở sông dâng lên mới làm lễ thượng lương vì tin rằng nhờ yếu tố đó nhà cửa và công việc làm ăn sẽ được tốt đẹp” (Phan Thị Yến Tuyết (1993): 44).

Tiểu vùng Phù sa ngọt⁶ là vùng hội tụ những điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất vùng với lượng phù sa ngọt, màu mỡ do hai con sông lớn là sông Tiền và sông Hậu bồi đắp, có nước thủy triều ổn định, về cơ bản có khí hậu mưa thuận gió hòa cho nên quanh năm cây trái tốt tươi vì thế việc làm vườn, trồng màu, chăn nuôi rất thuận lợi. Tuy trái cây ở miệt vườn phong phú đa dạng nhưng tùy nơi mà có đặc sản riêng gắn với những địa danh như dừa Bến Tre, dừa sáp Trà Vinh, vú sữa Lò Rèn, xoài Hòa Lộc, nhãn Bạc Liêu, dưa hấu Long An, quýt Cái Bè, cam Phong Điền, v.v. Bên cạnh đó còn những nghề như trồng hoa kiểng, trồng dâu nuôi tằm, đan lát, nghề làm sản phẩm từ dừa, lục bình,... cũng theo đó phát triển. Như vậy nét văn hóa đặc sắc nhất của văn minh miệt vườn Tây Nam Bộ thể hiện qua tất cả “nếp sống vật chất như ăn, mặc, ở, cách thức sanh nhai” (Sơn Nam (2005): 233).

Bên cạnh đó, **đặc trưng tính cách văn hóa** của cư dân Tây Nam Bộ thân thiện, cởi mở, chan hòa, dễ thích nghi, đặc biệt là tính hiếu khách làm cho ai khi đến nơi này đều thấy thiện cảm và lưu lại ấn tượng khó phai. Từ đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã viết về lòng hiếu khách của cư dân Nam Bộ như sau: “Ở Gia Định có người khách đến nhà đầu tiên gia chủ dâng trà cau, sau dâng tiếp cơm bánh tiếp đãi trọng hậu, không kể người thân sơ quen lạ tông tích ở đâu, ắt đều thâu nạp khoản đãi; cho nên người đi chơi không cần đem tiền gạo theo,...” (Trịnh Hoài Đức (2004): 11). Về tính cách thì “Người Tây Nam Bộ hiếu khách một cách tự nhiên, bình dị; hiếu khách như một bản chất, một nhu cầu. Họ tiếp khách rất thân tình, coi khách như người nhà, không hề khách sáo làm màu,... Đồng thời, miệt vườn cũng chính là nơi còn lưu giữ được những giá trị văn hóa đặc trưng của miền Tây Nam Bộ từ tín ngưỡng, tôn giáo đến sinh hoạt văn nghệ dân gian mà nổi bật là nghệ thuật đờn ca tài tử. Có thể nói “Miệt vườn tiêu biểu cho hình thức sanh hoạt vật chất và tinh thần cao nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long” (Sơn Nam (2005): 242).

2. Văn hóa nông thôn Tây Nam Bộ và những biến đổi trong giai đoạn hiện nay

Theo dòng chảy thời gian văn hóa sẽ có sự thay đổi, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay sự thay đổi càng rõ rệt hơn và văn hóa nông thôn nói chung, văn hóa nông thôn Tây Nam Bộ nói riêng cũng không nằm ngoài quy luật đó. Hiện nay điều kiện cơ sở hạ tầng thôn quê đã phát triển nhiều hơn trước cho nên diện mạo cảnh quan nông thôn Tây Nam Bộ cũng đã thay đổi rất nhiều. Hình ảnh “cầu ván đóng đinh, cầu tre lắt lẻo” hay cầu khỉ chông chênh giờ không còn nhiều ở nông thôn Tây Nam Bộ. Đường sá đã được “bê tông hóa” nhiều nơi trước kia là sông nước nay đã làm đường nhựa về đến tận những vùng quê xa xôi⁷. Tổng số km đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa ngày càng nhiều: Kiên Giang có 5116km trên tổng số 7084km, 100% xã (đất liền) có đường bê tông đến trung tâm xã, Cà Mau gần 5000km đường bê tông, xi măng và 78/82 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, Hậu Giang có 69/74 xã có đường bê tông đến

⁶ Tiểu vùng phù sa ngọt bao gồm tỉnh Cần Thơ, một phần Đồng Tháp, một phần An Giang, một phần Kiên Giang và một phần Hậu Giang.

⁷ Về Đất Mũi Cà Mau – cực Nam của Tổ quốc trước đây chỉ duy nhất có giao thông đường thủy thì giờ đây đã mở tuyến đường bộ từ huyện Năm Căn về đến Đất Mũi.

trung tâm xã, Tiền Giang 144/144 xã, Bạc Liêu 100% xã, Sóc Trăng 108/109 xã, Trà Vinh 78/85 xã, Bến Tre 127/147 xã, An Giang 119/122⁸. Nếu trước đây đi lại chủ yếu bằng xuồng ghe và giao thông đường thủy thì giờ đây đã có đường bộ, hầu như nhà nào cũng có một chiếc xe máy hoặc xe đạp, chủ yếu đi đường bộ, xuồng giờ chỉ còn là phương tiện phụ trợ⁹. Ở nhiều vùng sông nước Nam Bộ còn rất ít nhà sàn, giờ đây mặt nhà hướng ra lộ còn mặt sau lại hướng ra sông, ở những ngã ba sông nơi vẫn còn nhà sàn thì chỉ còn kiểu nhà nửa phần trước trên đất liền, mặt hướng ra đường lộ và chỉ nửa phần sau là nhà sàn trên mặt nước để dễ thuận lợi bán buôn¹⁰.

Quá trình đô thị hóa cũng đã tác động không nhỏ đến đời sống tinh thần của cư dân nông thôn Tây Nam Bộ. Trước đây xứ này là xứ sở của đờn ca tài tử và những điệu hò đặc sắc mang âm điệu luyến láy làm rung động lòng người như: hò miền Tây, hò Đồng Tháp, hò đỏi, hò đố, hò Cần Thơ, hò giọng đồng, hò bản đờn, hò cảnh chùa, hò huê tình, hò cấy lúa, v.v. Người dân nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long hầu như ai cũng biết những vở cải lương quen thuộc hoặc có thể ca được vài câu vọng cổ, còn giờ đây người quan tâm hoặc ca được vọng cổ cũng ít dần ở thôn quê. Với sự phát triển công nghệ, giới trẻ nông thôn giờ quan tâm và hứng thú với nhạc trẻ, với văn hóa nước ngoài như phim Hàn, phim Ấn, những trò chơi điện tử hay mạng xã hội. Theo nhiều ngã đường, một số sản phẩm, loại hình văn hóa, văn học, nghệ thuật, một số quan niệm, lối sống, cách ứng xử, làm ăn,... không phù hợp với thuần phong mỹ tục hoặc tư tưởng thực dụng hóa đã lan về thôn quê làm môi trường văn hóa, xã hội nông thôn biến đổi theo chiều hướng tiêu cực. Nhiều thôn nữ rời quê lấy chồng ngoại quốc trong những cuộc hôn nhân không tình yêu chạy theo giá trị vật chất¹¹. Theo Trần Thị Thu Lương (2012): “Hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia mang tính thị trường, tự phát đã và đang diễn ra ở Đồng bằng sông Cửu Long là hiện tượng xã hội sai lệch chứ không phải sản phẩm của văn hóa Việt Nam Bộ” và “ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long, chuẩn mực xã hội truyền thống có dấu hiệu bị suy thoái. Chuẩn mực hôn nhân truyền thống, các cố kết chặt chẽ của cộng đồng làng xã đã bị coi nhẹ hơn vấn đề kiếm tiền và hưởng thụ bất chấp cách thức đó là xa lạ với chuẩn mực truyền thống, xa lạ với văn hóa Việt Nam”.

⁸ Số liệu của UBND và Sở GT - VT các tỉnh (trích trong báo cáo tại Hội nghị Tổng kết 5 năm (2010-2015) công tác phát triển kết cấu hạ tầng GTVT vùng Tây Nam Bộ, tổ chức tại Cần Thơ năm 2015).

⁹ Khảo sát ở huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau đầu tháng 6/2019, khảo sát ở huyện An Biên và An Minh (Kiên Giang) tháng 1/2019.

¹⁰ Trong chuyến đi thực tế đầu tháng 6/2019 về huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau, chúng tôi nhận thấy lượng nhà sàn và lượng xuồng ghe ở đây không còn phổ biến, có thể nói là giảm mạnh so với thời điểm chúng tôi đi thực tế tại địa bàn trên vào tháng 7 năm 2014. Tương tự, ở Miệt Thứ (Kiên Giang), những năm gần đây khi chất lượng đường bộ phát triển, ở những nơi đã làm đường bộ, người dân cũng đi xe, ít khi đi xuồng.

¹¹ Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, từ 2006-2009 có 70.000 phụ nữ Tây Nam Bộ lấy chồng nước ngoài (Báo cáo tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2009 của Ban chỉ đạo miền Tây Nam Bộ về tình hình xuất khẩu lao động và lấy chồng nước ngoài).

Kết quả khảo sát 12.000 phiếu phỏng vấn các cô gái Cần Thơ về nguyên nhân lấy chồng Đài Loan thì có đến 78,94% trả lời là do “cuộc sống của bản thân và gia đình gặp khó khăn” – dẫn theo Trần Thị Thu Lương (2012).

Hiện tượng tiếp thu những giá trị hiện đại, những cái tân thời của thành thị không chừng mực hoặc không phù hợp dẫn đến sự lố lăng, lai căng hoặc tạo thành kiểu “trông giả” trong nhiều mặt như kiến trúc, cảnh quan, ăn mặc, thị hiếu thẩm mỹ cũng tồn tại không ít. Trong văn hóa mưu sinh, từ nông nghiệp là chính thì giờ đây họ làm nhiều nghề khác nhau thuộc về công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ. Ở nhiều vùng nông thôn hình thức “quỹ tín dụng tự phát” – hụi – trở nên phổ biến, khi “vỡ hụi” hay “bị giựt hụi” thì dẫn đến cảnh khốn cùng của nhiều người cũng như bào mòn và làm rạn nứt những quan hệ tốt đẹp, đồng thuận và thuần phác trong cộng đồng nông thôn. Mặt khác, do dư thừa lao động trong nông nghiệp nên nhiều người trẻ đã di cư ra thành thị tìm việc làm, những người ở thôn quê đa phần là những người lớn tuổi¹². Tỷ lệ người dân Đồng bằng sông Cửu Long di cư vào Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2004-2009 lên đến 714.000 người¹³, 2009-2014 là 544.909 người. Điều này dẫn đến sự biến đổi cấu trúc gia đình, những giá trị văn hóa gia đình, biến đổi đời sống sinh hoạt kinh tế, mai một nhiều nghề truyền thống cũng như giảm tính gắn kết cộng đồng. Đồng thời, quá trình lão hóa dân số ở ĐBSCL đang diễn ra nhanh hơn so với mức trung bình cả nước do tình trạng xuất cư cao của lao động trẻ: “Tỷ lệ phụ thuộc của người cao tuổi sẽ tăng lên trong hai thập niên tới. Kết hợp với nhiều yếu tố, Đồng bằng sông Cửu Long sẽ đối mặt vấn đề trung hạn là dân số trở nên lão hóa cùng với nghèo hóa, khi những lớp di dân nông thôn - thành thị đầu tiên không tham gia thị trường lao động thành thị và trở về nông thôn sinh sống”¹⁴.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu văn hóa nông thôn là tìm về với cội nguồn để hiểu hơn văn hóa truyền thống của một dân tộc gốc nông nghiệp, gắn với đời sống nông nghiệp. Văn hóa Việt Nam nói chung, văn hóa Tây Nam Bộ nói riêng gắn liền với cuộc sống nông nghiệp vì vậy khi nghiên cứu vùng văn hóa Tây Nam Bộ phải nghiên cứu đời sống nông thôn. Với đặc trưng sinh thái nhiều kênh rạch, sông nước tạo điều kiện cho nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long phát triển và gắn liền với các giá trị của nền văn hóa lúa nước. Hiện đại hóa, đô thị hóa là một quá trình tất yếu, nó mang lại nhiều lợi ích cho nông thôn tuy nhiên nó cũng làm cho nhiều tập quán của cư dân nông thôn Tây Nam Bộ dần dần thay đổi. Để gìn giữ những nét bản sắc tốt đẹp của văn hóa nông thôn trong sự phát triển, việc nhận diện những giá trị bản sắc văn hóa nông thôn và những thay đổi của nó là điều hết sức cần thiết, là tiền đề cho việc định hướng bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống Việt Nam nói chung và văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

¹² Trong chuyến đi tìm hiểu thực tế của chúng tôi gần đây vào tháng 6 năm 2019 tại xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau hầu hết những người trẻ đều đi ra thành phố Cà Mau học hoặc làm việc, nhiều thanh niên lên Sài Gòn để làm công nhân trong những nhà máy. Ở huyện An Minh, An Biên (Kiên Giang) trường học cũng tương tự.

¹³ Báo cáo cho IOM (Tổ chức Di cư Quốc tế) 2016: “Thích nghi với biến đổi khí hậu thông qua di cư”, thực hiện bởi Han Entzinger, Peter Scholten.

¹⁴ Nhận xét của ông Lê Thanh Sang – Viện trưởng Viện KHXH vùng Tây Nam Bộ: <http://cafebiz.vn/bao-dong-di-cu-khoi-dong-bang-song-cuu-long-20161029133818443.chn>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO**Sách và Kỷ yếu**

1. Ban chỉ đạo miền Tây Nam Bộ (2009). *Báo cáo về tình hình xuất khẩu lao động và lấy chồng nước ngoài*. Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2009. Cần Thơ.
2. Ban chỉ đạo miền Tây Nam Bộ (2015). *Báo cáo tổng kết 5 năm (2010-2015) công tác phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng Tây Nam Bộ*. Cần Thơ.
3. Đinh Thị Dung (2018). “Sự thích ứng với môi trường sinh thái: Trường hợp chủ thể văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long”. Kỷ yếu khoa học *Lý thuyết nghiên cứu văn hóa phương Tây và vận dụng vào nghiên cứu văn hóa Việt Nam*. TP HCM: ĐH KHXH&NV - Khoa Văn hóa học, tr.19-34.
4. Lý Tùng Hiếu (2019). *Văn hóa Việt Nam tiếp cận hệ thống - liên ngành*. TP HCM: Văn hóa - Văn nghệ.
5. Mai Ngọc Chừ (2009). *Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông*. Hà Nội: Phương Đông.
6. Nguyễn Văn Hiếu, Đinh Thị Dung. (2017). *Văn hóa học và một số vấn đề lịch sử, văn hóa*. TP HCM: NXB Đại học Quốc gia.
7. Phan Thị Yến Tuyết. (1993). *Nhà ở - trang phục - ăn uống của các dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. TP HCM: Khoa học xã hội.
8. Sơn Nam (2005). *Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa và văn minh miệt vườn*. TP HCM: NXB Trẻ.
9. Tổng Văn Chung (2000). *Xã hội học nông thôn*. Hà Nội.
10. Trần Ngọc Khánh (2012). *Văn hóa đô thị giản yếu*. TP HCM: NXB Tổng hợp.
11. Trần Ngọc Thêm (2004). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. TP HCM: NXB Tổng hợp.
12. Trần Ngọc Thêm (2014). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. TP HCM: Văn hóa - Văn nghệ.
13. Trần Thị Thu Lương (2012). “Một số vấn đề xã hội và văn hóa trong việc xây dựng nông thôn mới ở ĐBSCL nhìn từ hiện tượng phụ nữ nông thôn lấy chồng nước ngoài”. *Tạp chí phát triển KHCN*, tập 15 số X2-2012, tr.31-47.
14. Trịnh Hoài Đức (2019). *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Phạm Hoàng Quân. TP HCM: NXB Tổng hợp.

Internet

15. Ca Linh. (29/10/2016). *Báo động di cư khỏi đồng bằng sông Cửu Long*. Truy xuất từ <http://cafebiz.vn/bao-dong-di-cu-khoi-dong-bang-song-cuu-long-20161029133818443.chn>.

16. Cổng thông tin điện tử Việt Nam (12/04/2017). *Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2015 của Việt Nam*. Truy xuất từ <https://baovemoitruong.com/tai-nguyen-thien-nhien/ket-qua-thong-ke-dien-tich-dat-dai-nam-2015-cua-viet-nam.html>.
17. Thông tấn xã Việt Nam (15/03/2017). *Sản xuất lúa gạo Việt Nam đang đứng trước giờ G của công cuộc đổi mới*. Truy xuất từ http://daibieunhandan.vn/ONA_BDT/NewsPrint.aspx?newsId=387254.
18. Thông tấn xã Việt Nam (31/10/2017). *Đồng bằng sông Cửu Long: Quy hoạch sử dụng đất gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững*. Truy xuất từ <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=47683&print=true>.
19. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (2016). *Dân số trung bình phân theo thành thị, nông thôn*. Truy xuất từ <http://www.gopfp.gov.vn/so-lieu>.